

Số 3.5/2004/NQ-HĐ

Đông Hà, ngày 18 tháng 12 năm 2004

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 3**  
(từ ngày 15 đến 18 tháng 12 năm 2004)

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt đề án Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2005 - 2010**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non;
- Xem xét tờ trình số 2432/TT-UB ngày 23 tháng 11 năm 2004 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2005-2010" và đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2005-2010" của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội và ý kiến phát biểu của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ**

Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí thông qua đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2005 - 2010".

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết về đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2005 - 2010", Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số vấn đề sau:

**I. Mục tiêu của đề án:**

- Phát triển đồng bộ và toàn diện hệ thống giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.
- Nâng cao tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi vào các loại hình trường, lớp mầm non đạt các chỉ tiêu của đề án đặt ra.
- Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở chăm sóc giáo dục mầm non nhằm giúp trẻ phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, chuẩn bị tiền đề cho trẻ vào lớp 1.
- Tăng cường cơ sở vật chất trường lớp, nâng cao chất lượng đội ngũ, phương tiện dạy và học ở các trường, lớp mầm non.
- Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực để phát triển vững chắc ngành học giáo dục mầm non.

- Xây dựng chính sách, giải pháp của địa phương để mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư; Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giáo dục mầm non ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các xã vùng núi cao, hải đảo theo tinh thần Quyết định 161/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ.

- Đảm bảo sự công bằng về chế độ, đời sống và quyền lợi của cán bộ giáo viên mầm non giữa các vùng miền, giữa các cán bộ giáo viên có cùng trình độ đào tạo, giữa giáo viên mầm non ngoài biên chế và trong biên chế thuộc loại hình công lập và bán công.

### **1. Chỉ tiêu trẻ đến nhà trẻ và trường mẫu giáo đến 2010:**

#### **- Phát triển theo quy mô:**

+ Phần đầu đến năm 2010, hầu hết trẻ em dưới 6 tuổi đều được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo những hình thức phù hợp.

+ Năm 2005: Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đến nhà trẻ đạt 17%, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường mẫu giáo đạt 75%, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 98,5%.

+ Năm 2010: Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đến nhà trẻ đạt 30%, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường mẫu giáo đạt 85%, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 99,5%.

#### **- Phát triển theo vùng miền như sau:**

##### ***Khu vực miền núi khó khăn và các xã chậm phát triển:***

+ Đến năm 2005: tỷ lệ trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến nhà trẻ đạt 7%, tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường mẫu giáo đạt 45%, trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 93,5%.

+ Đến năm 2010: tỷ lệ trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến nhà trẻ đạt 15%, tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường mẫu giáo đạt 65%, trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98%.

##### ***Các khu vực còn lại:***

+ Đến năm 2005: tỷ lệ trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến nhà trẻ đạt 21%, tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường mẫu giáo đạt 76%, trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 99%.

+ Đến năm 2010: tỷ lệ trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến nhà trẻ đạt trên 30%, tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường mẫu giáo đạt 90%, trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,5%.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống 17% năm 2005 và 10% năm 2010.

- Phần đầu đến năm 2005 có 10%, năm 2007 có 20% và năm 2010 có 50% số trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia.

## **2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:**

- Kế hoạch phát triển đội ngũ:

+ Tổng số giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế (2005 - 2010): 7.270 giáo viên

+ Bình quân mỗi năm hợp đồng: 1.212 giáo viên

- Năm 2005 có 85% và năm 2010 có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

- Đảm bảo định mức cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên trong từng trường ở tất cả mọi loại hình, phù hợp điều lệ trường Mầm non và quy chế công nhận trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia.

- Thực hiện tốt các quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên khi chuyển đổi loại hình, thực hiện đầy đủ chính sách đối với cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên ngoài biên chế

## **3. Quy hoạch và đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật trường học:**

- Đến năm 2010 toàn tỉnh có: 49 trường công lập (trong đó có 7 trường trọng điểm chất lượng cao của các huyện miền núi và đồng bằng; 42 trường thuộc các xã đặc biệt khó khăn).

- Đảm bảo diện tích đất dành cho các trường Mầm non tối thiểu 10m<sup>2</sup>/trẻ.

- Đến năm 2010, phần đầu xóa phòng tạm, phòng mượn (477 phòng), xây dựng thêm trường còn thiếu (22 trường vùng 135 hiện đang gắn với trường tiểu học, 4 trường tư thục = 130 phòng) và phòng học tăng thêm do số lượng trẻ tăng (76 phòng). Tổng cộng là 683 phòng, cụ thể như sau:

+ *Xây dựng cơ sở vật chất:*

Ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng 42 trường ở các xã đặc biệt khó khăn.

Các nguồn khác đầu tư (huyện, xã, nhân dân, tài trợ...): 473 phòng

+ *Mua sắm bàn ghế:*

Ngân sách tỉnh đầu tư 210 phòng của 42 trường ở các xã đặc biệt khó khăn:

210 phòng x 10.000.000đ/trường = 2.100.000.000đ

+ *Mua sắm trang bị, đồ chơi:*

Huy động ngân sách huyện, xã, nhân dân, tài trợ:

42 xã x 3 lớp/xã x 5.000.000đ = 645.000.000đ

## **II. Các giải pháp chính:**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn về mục tiêu và yêu cầu đẩy mạnh phát triển hệ thống giáo dục mầm non.

- Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, thực hiện chế độ phân cấp quản lý giáo dục nhằm nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các địa phương để giải quyết kịp thời những bức xúc trong giáo dục mầm non.

- Đẩy mạnh chủ trương thực hiện xã hội hóa giáo dục mầm non. Sắp xếp mạng lưới giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của từng địa phương, duy trì và phát triển các nhóm trẻ gia đình, chuyển dần các trường công lập ở thị xã, thị trấn và vùng kinh tế phát triển sang loại hình ngoài công lập. Từ 2005 đến 2010, trong phạm vi thực hiện đề án, từng bước chuyển đổi hệ thống trường mầm non sang đơn vị sự nghiệp có thu trên toàn tỉnh (trừ các xã miền núi).

- Về cơ sở vật chất trường lớp:

+ Đối với các trường công lập và bán công: thực hiện theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

+ Đối với các trường mầm non tư thục: do các chủ trường chịu trách nhiệm nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn chung của Bộ Giáo dục & đào tạo quy định.

- UBND các cấp và ngành Giáo dục-Đào tạo có chính sách hỗ trợ thiết bị dạy học và khen thưởng đối với các trường Mầm non tư thục được công nhận trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia.

Chính quyền các cấp trong quy hoạch phải dành quỹ đất xây dựng trường Mầm non đạt chuẩn theo chuẩn quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo.

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao đội ngũ cán bộ giáo viên mầm non, đặc biệt là cán bộ quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới ngành học. Tăng cường giáo viên nòng cốt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đảm bảo các chính sách đối với giáo viên mầm non, đặc biệt giáo viên mầm ngoài biên chế.

+ Thực hiện ký hợp đồng lao động đối với các trường còn thiếu giáo viên theo đúng nhu cầu của trường và đảm bảo về tuổi đời, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Ở vùng đặc biệt khó khăn, vẫn tiếp tục ký hợp đồng dài hạn với giáo viên là người địa phương, người dân tộc thiểu số có trình độ sơ cấp và sắp xếp bố trí cho đi học để đạt trình độ chuẩn. Không hợp đồng giáo viên không có nghiệp vụ về giáo dục mầm non và chúng chỉ bồi dưỡng ở tất cả các trường Mầm non. Thực hiện chi trả lương các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, danh hiệu tôn vinh nhà giáo như giáo viên trong biên chế Nhà nước đối với cán bộ, giáo viên Mầm non ngoài biên chế ở tất cả các loại hình công lập, bán công, tư thục. Đối với giáo viên tư thục, các khoản chi trả trên hoàn toàn do chủ trường đảm nhận.

- Về tài chính:

+ Từ nay đến năm 2010: Hàng năm ngành Giáo dục- Đào tạo bố trí tối thiểu 10% tổng chi ngân sách sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo của toàn ngành chi cho giáo

dục mầm non, từ năm 2006 trở đi cứ mỗi năm tăng dần tỷ lệ đầu tư tối thiểu từ 2% - 3% so với mức đầu tư đã thực hiện năm trước đó.

+ Điều chỉnh mức phụ cấp cho giáo viên Mầm non ngoài biên chế (ở loại hình trường công lập và bán công) theo Nghị quyết 5c/2001/NQ-HĐ ngày 27/3/2001 của HĐND tỉnh lên theo các mức, tính theo vùng, bằng cấp. Lương và các khoản phụ cấp của giáo viên ngoài biên chế (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội) được chi trả từ nguồn thu học phí và ngân sách nhà nước hỗ trợ (nguồn ngân sách của Nhà nước chi hỗ trợ lương cho giáo viên mầm non ngoài biên chế ở trường công lập và bán công như Quyết định số 161 của Chính phủ đã quy định), được tính như sau:

$$\text{Tổng lương} = \text{Lương cơ bản (theo trình độ đào tạo)} + \text{Phụ cấp lương (theo vùng, miền)} + \text{Bảo hiểm (17\%)}$$

+ Điều chỉnh tăng mức học phí cho ngành học mầm non để đảm bảo cân đối chi lương và một phần hoạt động dạy và học:

Vùng thị xã: từ 40.000 lên 50.000đ/cháu/tháng

Vùng đồng bằng, thị trấn: từ 18.000 lên 25.000đ/cháu/tháng

Vùng miền núi thấp, miền biển: từ 13.000 lên 15.000đ/cháu/tháng

### III. Kinh phí thực hiện

#### Tổng hợp phần ngân sách cấp tỉnh để thực hiện Đề án

DVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
I	Xây dựng CSVC	18.900.000
II	Chi cho con người	19.389.000
1	Lương và phụ cấp	19.207.000
2	Giải quyết chế độ về một lần	182.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>38.289.000</b>

Sau khi đã trừ đi mức hỗ trợ của Nghị quyết 5c (lương và phụ cấp), giai đoạn 2005 - 2010, tổng chi phí cho đề án trong 6 năm ngân sách tỉnh phải cân đối là 28.746.000.000đ.

#### - Cơ cấu nguồn vốn:

+ Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các xã ĐBKK: Ngân sách tỉnh đầu tư và vốn Chương trình mục tiêu.

+ Kinh phí đầu tư cho các trường mầm non công lập, bán công không thuộc các xã đặc biệt khó khăn: Phân cấp cho các huyện, thị xã thực hiện, huy động sự đóng góp của nhân dân và các nguồn khác, tỷ lệ phân cấp giao cho UBND tỉnh quyết định phù hợp với thực tế ngân sách các huyện, xã.

+ Kinh phí phụ cấp lương cho giáo viên mầm non ngoài biên chế: cân đối trong ngân sách sự nghiệp của ngành Giáo dục - Đào tạo.

#### IV. Tổ chức thực hiện:

- HĐND tỉnh giao trách nhiệm cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện thắng lợi đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2005 - 2010".

- Hội đồng nhân dân giao cho UBND tỉnh xây dựng đề án ưu đãi, khuyến khích đầu tư phát triển các loại hình giáo dục ngoài công lập, trong đó có giáo dục mầm non, chỉ đạo chuyển đổi cơ chế quản lý các trường công lập khu vực thị xã, thị trấn sang bán công và sự nghiệp có thu theo tinh thần Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/1/2002 của Chính phủ, chỉ nên giữ lại một số trường thật cần thiết; Quyết định phân cấp ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản và kinh phí sự nghiệp một cách hợp lý để thực hiện đề án.

- Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND phối hợp với UBND tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường công tác, giám sát, tuyên truyền, động viên nhân dân, các cấp, các ngành thực hiện thắng lợi Nghị quyết đã đề ra.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá V, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/12/2004.

#### Nơi nhận:

- VPQH, VPCTN, VPCP,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- TVTU, UBND tỉnh,
- Đại biểu HĐND tỉnh,
- Cục kiểm tra văn bản Bộ TP,
- TT HĐND, UBND huyện, thị,
- Sở Giáo dục & đào tạo,
- Lưu.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



*Phan Thị Duyên*

TM. HĐND TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Nền

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI  
NGUYÊN BẢN TRONG HỒ SƠ LƯU TRỮ

Tài liệu được sao từ:  
Phòng: HĐND tỉnh Quảng Trị  
Mục lục số: 03. Hồ sơ số: 31. Tờ số: 28  
Số chứng thực: 100  
Ngày 04 tháng 4 năm 2019